

**CÁC PHƯƠNG THỨC TIẾP NHẬN
TỪ NGỮ CÔNG GIÁO TRONG TIẾNG VIỆT
(Qua khảo sát các bản kinh nguyện của các Giáo phận Dòng tại Việt Nam)**

VŨ VĂN KHUÔNG*

Abstract: This paper examines the borrowing mechanisms of Catholic terminology in the Vietnamese language, with a focus on its formation and development from the 16th century to around the 2010s. Drawing on data from prayer texts of Vietnamese dioceses influenced by the Dominican Order, the study analyzes three primary strategies of lexical adaptation: retention of original forms, phonetic transcription, and semantic calquing. The findings contribute to clarifying the process of language contact between Vietnamese and Western languages in the context of the Catholic community, while also shedding light on the linguistic features of the Catholic lexical stratum in Vietnamese.

Key words: *Catholic vocabulary, lexical borrowing, lexical adaptation, semantic calque, religious language*

1. Đặt vấn đề

Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2009, Phật giáo và Công giáo là hai tôn giáo lớn nhất nước ta với số tín đồ lần lượt là 6.802.318 và 5.677.086 người [2, tr.281]. Mỗi tôn giáo, theo cách thức của mình, đều có những đóng góp mang dấu ấn riêng cho văn hoá - xã hội Việt Nam. Phật giáo phát sinh từ Ấn Độ rồi truyền vào Việt Nam theo hai ngã: Nam Tông qua Thái Lan, Bắc Tông qua Trung Quốc, nên mang nhiều nét đặc trưng Á Đông. Công giáo khởi phát từ Trung Á, phát triển mạnh ở châu Âu rồi sau đó trở lại châu Á và vào Việt Nam, nên mang nhiều màu sắc của văn minh phương Tây. Bên cạnh sự ảnh hưởng của Khổng giáo và Lão giáo trong một quá trình lịch sử lâu dài, Phật giáo và Công giáo là hai tôn giáo tác động vào xã hội - văn hoá Việt Nam đến tận thời hiện đại. Sự tác động này góp phần làm giàu nền văn hoá bản địa và làm nên bộ mặt văn hoá - xã hội Việt Nam ngày nay, vừa có những giá trị Á Đông bền vững, vừa có khả năng dễ dàng tiếp cận, tiếp thu các giá trị văn hoá - văn minh phương Tây. Hiện trạng này làm nên lí do quan trọng cho các nghiên cứu về tôn giáo tại Việt Nam nói chung, các giá trị ảnh hưởng đến văn hoá - xã hội của tôn giáo nói riêng, mà trong đó không thể không đề cập đến lĩnh vực ngôn ngữ tôn giáo, trong đó có Công giáo.

Tuy nhiên, từ ngữ Công giáo tại Việt Nam là một phạm trù lớn. Ở đây, chúng tôi chỉ lựa chọn nghiên cứu một phạm trù nhỏ, đó là các phương thức tiếp nhận từ ngữ Công giáo vay mượn trong tiếng Việt. Ngữ liệu nghiên cứu là các từ ngữ trong kinh nguyện, cụ thể là từ ngữ trong các bản kinh nguyện của các Giáo phận Dòng tại Việt Nam. Lí do chúng tôi chọn ngữ liệu trong phạm vi này, đó là qua khảo sát sơ bộ trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy các từ ngữ Công giáo trong kinh nguyện vừa là các khái niệm giáo lí, thần học... có thể có vai trò như các thuật ngữ; vừa có những đơn vị từ ngữ sử dụng trong đời sống thông thường; vừa có những từ ngữ mang dấu vết lịch sử thời kì đầu chữ Quốc ngữ, vừa có những từ ngữ hiện đại... Lớp từ ngữ này, có thể nói, là hình ảnh khá đầy đủ các đặc trưng của từ ngữ Công giáo tại Việt Nam. Chúng tôi nhận định từ ngữ trong kinh nguyện như là đại diện cho từ ngữ Công giáo.

Công giáo vào Việt Nam khoảng đầu thế kỉ XVI. Theo cuốn “Khâm Định Sử Việt Thông Giám Cương Mục”, năm Nguyên Hoà (năm 1533) đời vua Lê Trang Tôn, Công giáo mới được đưa tới Việt

* Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: vukhuonghd@yahoo.com

Nam do một nhà truyền giáo tên là Inikhu [9, tờ 6a và tờ 6b]. Đến nay, năm 2025, Việt Nam có 27 giáo phận Công giáo. Do đặt dưới sự coi sóc của các linh mục dòng thánh Đa Minh từ năm 1757, nên các giáo phận: Hải Phòng, Bùi Chu, Bắc Ninh, Thái Bình, Lạng Sơn được gọi là các giáo phận thuộc dòng thánh Đa Minh và gọi tắt là các Giáo phận Dòng. Mảnh đất của các giáo phận này được coi là nôi khai sinh của Công giáo tại Việt Nam, phát triển rất mạnh trong những năm trước biến cố di cư 1954, tạo nên những nét văn hoá Công giáo phong phú. Các bản kinh nguyên hiện nay tại Việt Nam thường được hình thành trong cộng đồng Công giáo các giáo phận này. Vì thế, chúng tôi lựa chọn các bản kinh nguyên của các Giáo phận Dòng là nguồn cung cấp ngữ liệu từ ngữ Công giáo để nghiên cứu.

Khảo sát 1.132 từ ngữ phản ánh những khái niệm Công giáo ghi nhận được trong các sách kinh nguyên của các giáo phận Dòng tại Việt Nam (chủ yếu được xuất bản từ năm 1953 đến 2010, trừ một số kinh xác định được niên đại ra đời từ rất sớm, từ thế kỉ XVII thời Alexandre de Rhodes, vị linh mục được coi là cha đẻ của chữ Quốc ngữ), chúng tôi nhận thấy nguồn gốc vay mượn của lớp từ ngữ này rất phong phú, gồm có các ngôn ngữ của Kinh Thánh như Hipri, Hy Lạp; ngôn ngữ của Giáo Hội như tiếng La Tinh; ngôn ngữ của các nhà truyền giáo như: tiếng Ý, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pháp. Về cách tiếp nhận, lớp từ ngữ này thường đi vào tiếng Việt qua ba phương thức: giữ nguyên dạng gốc, phiên âm sang tiếng Việt, sao phỏng và dịch nghĩa.

2. Cơ sở lí thuyết

2.1. Khái niệm vay mượn từ ngữ

Vay mượn trong ngôn ngữ là hiện tượng một ngôn ngữ chấp nhận các biểu thức ngôn ngữ hoặc ý nghĩa của ngôn ngữ khác để biểu thị những đối tượng, khái niệm hoặc sự tình chưa tồn tại trong ngôn ngữ mình [6, tr.581 - 582].

Ngôn ngữ nào cũng có hiện tượng vay mượn từ ngữ. Người ta có thể vay mượn các từ, ví dụ như *mít tinh, bóc, ten nút...* (nguồn gốc Anh); *ga, xăng, sơ mi, xà phòng...* (nguồn gốc Pháp); *bôn sê vich, cô m xô môn...* (nguồn gốc Nga); *câu lạc bộ, ngân phiếu, mâu dịch...* (nguồn gốc Hán); *shi, lượn, bản...* (gốc Tày Nùng); Cũng có khi người ta vay mượn yếu tố cấu tạo từ hoặc lấy từ của một ngôn ngữ khác làm yếu tố cấu tạo từ trong ngôn ngữ của mình. Chẳng hạn: tiếng Việt mượn các yếu tố: - *hoá*, - *sinh*, - *viên...* (nguồn gốc Hán) hoặc mượn hẳn một từ trong ngôn ngữ khác, đem kết hợp với một yếu tố có sẵn của mình để tạo ra từ mới, ví dụ: *canh + gác* (garde - gốc Pháp) → *canh gác*; *khăn + piêu* (gốc Thái) → *khăn piêu*; *làng + bản* (gốc Tày Nùng) → *làng bản*; Dịch nghĩa lại từ ngữ của ngôn ngữ khác cũng là một hiện tượng vay mượn ngoài ngôn ngữ. Kết quả của hiện tượng này là người ta có một từ mới, được tạo nên bằng cách trực dịch từng yếu tố cấu tạo trong từ của ngôn ngữ khác. Ví dụ: Tiếng Việt có các từ *vườn trẻ, nhà văn hoá...* là căn ke từ các tên gọi *детский сад, дом культуры...* trong tiếng Nga. Tiếng Tày Nùng có từ *đìn nựa* là dịch nghĩa từ *đất thịt* trong tiếng Việt.

Đối với các từ ngữ vay mượn, mỗi ngôn ngữ đều có cách xử lí khác nhau bên cạnh những đường nét chung. Người Việt khi vay mượn từ ngữ và đưa vào sử dụng trong ngôn ngữ của mình, thường có những điều chỉnh như sau: Cải tổ cấu trúc ngữ âm của từ cho phù hợp với ngữ âm tiếng Việt và đồng thời có thể rút ngắn từ lại. Nói chung, từ nào có dị biệt với ngữ âm tiếng Việt cũng được cải tạo ít nhiều, ví dụ *beton - bê tông*; *garde - gác*; *boulon - bu lông, bù loong*; *essence - xăng*; Cải tổ nghĩa của từ, nghĩa là vay mượn từ nhưng lại cấp cho nó một nghĩa khác với nghĩa vốn có của nó. Ví dụ: từ *té* là từ gốc Hán vốn có nghĩa là cận kề, chu đáo, nhưng vào tiếng Việt, nó được cấp cho nghĩa tốt bụng; Vay mượn từ ngữ, nhưng không sử dụng tất cả các nghĩa của chúng mà chỉ dùng một số trong các nghĩa đó. Các từ như *nhất, hạ, hủ hoá...* của tiếng Việt vay mượn từ tiếng Hán là những ví dụ chứng minh cho trường hợp này.

2.2. Các cách thức tiếp nhận từ ngữ vay mượn

Việc vay mượn trong ngôn ngữ có thể được thực hiện trên các bình diện ngữ âm, ngữ nghĩa, hình thái cấu trúc hay ngữ pháp và chữ viết. Sự vay mượn từ vựng được diễn ra theo bốn cách thức: Dịch nghĩa, phiên âm, chuyển tự, mượn nguyên dạng của nguyên ngữ.

- Dịch nghĩa là phương thức dịch từ ngữ. Cách này chủ yếu vay mượn nội dung (ngữ nghĩa), ví dụ *telephone: điện thoại, football: môn bóng đá, superman: siêu nhân...*

- Phiên âm là phương thức vay mượn từ vựng bằng cách thức ghi lại âm đọc của từ ngữ cho vay, ví dụ *acide: a - xít; cravate: cra - vát/ca - vát; cà phê: cà - phê...*

- Chuyển tự là phương thức chuyển đổi chữ viết giữa hai ngôn ngữ vay và mượn ở hai hệ chữ viết khác nhau, chẳng hạn giữa tiếng Anh hay tiếng Việt sử dụng hệ chữ cái La Tinh với tiếng Nga sử dụng hệ chữ cái Kirin.

- Mượn nguyên dạng của nguyên ngữ là cách thức vay mượn thể hiện ở hình thức chữ viết, sử dụng nguyên cách viết chính tả đơn vị từ vựng của ngôn ngữ đi vay, còn cách đọc thì cố gắng đọc sát với cách đọc của nguyên ngữ, chẳng hạn một số từ tiếng Việt vay mượn từ tiếng Anh: *stress, marketing, computer...* [8, tr.62 - 63].

Tìm hiểu nguồn gốc các từ ngữ Công giáo vay mượn trong các ngữ liệu nghiên cứu (các bản kinh nguyện của các Giáo phận Dòng tại Việt Nam), chúng tôi chứng minh được các nguồn gốc Do Thái, Hi Lạp, La Tinh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha... của lớp từ vựng này. Tuy nhiên, nghiên cứu cách thức tiếp nhận từ ngữ, chúng tôi nhận thấy các từ ngữ gốc Do Thái và Hi Lạp, là các ngôn ngữ có hình dạng chữ viết không cùng hệ mẫu tự La Tinh, đã được chuyển tự sang tiếng La Tinh trước khi vào Việt Nam, nên phương thức chuyển tự không xuất hiện trong quá trình hình thành các từ ngữ Công giáo đang khảo sát. Vì thế, lớp từ ngữ Công giáo vay mượn trong tiếng Việt sẽ giới hạn ở các phương thức: đề nguyên dạng, phiên âm và sao phỏng dịch nghĩa.

3. Các phương thức vay mượn từ ngữ Công giáo trong tiếng Việt

3.1. Vay mượn bằng phương thức giữ nguyên dạng từ ngữ trong ngôn ngữ nguồn

Giữ nguyên dạng là phương thức mượn nguyên con chữ và ý nghĩa của từ ngữ trong ngôn ngữ nguồn vào ngôn ngữ đích. Phương thức này giúp cho từ ngữ gốc ít bị chi phối bởi ngôn ngữ đi vay, đề cao được tính chính xác và quốc tế, theo chúng tôi, thích hợp hơn với lớp thuật ngữ. Nhưng với đối tượng nghiên cứu của bài viết này vốn là lớp biệt ngữ của cộng đồng Công giáo tại Việt Nam, trong đó có nhiều đơn vị được sử dụng như lớp từ ngữ chung của cộng đồng này thì không thực sự phù hợp. Chính vì thế, chúng tôi nhận thấy số lượng từ ngữ dạng này chiếm tỉ lệ rất thấp, chỉ có 40/1.132 từ ngữ Công giáo được khảo sát.

Để xác định được chữ gốc nguyên dạng của các biệt ngữ Công giáo tiếng Việt, chúng tôi so sánh đối chiếu chữ gốc của ba ngôn ngữ được chứng minh là có ảnh hưởng đến sự du nhập lớp từ vựng tư liệu: La Tinh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và dễ dàng có được kết quả. Chẳng hạn như từ *Amen* trong tiếng Việt là hình thức nguyên dạng của *Amen* (“Quả thật như vậy” - từ kết thúc của một kinh nguyện hay lời cầu nguyện) trong tiếng La Tinh (đã chuyển tự từ gốc Do Thái) chứ không phải của tiếng Bồ Đào Nha (ghi là *Amen*) hay Tây Ban Nha (ghi là *Amén*); từ *Catolica* (Công giáo) trong tiếng Việt là hình thức nguyên dạng của *Catolica* trong tiếng La Tinh chứ không phải của tiếng Bồ Đào Nha (ghi là *Católica*) hay Tây Ban Nha (ghi là *Católica*)...

Một số từ ngữ có hình thức chữ viết giống nhau ở cả ba ngôn ngữ La Tinh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, ví dụ như *Credo* (Tin kính), *Pontifice* (thuộc về giáo hoàng)... chúng tôi tạm coi cả ba ngôn ngữ nêu trên là ngôn ngữ nguồn.

Trường hợp nhờ so sánh đối chiếu có thể loại suy được thì ngôn ngữ nguồn được coi là những ngôn

ngữ còn lại chứa từ ngữ giống nhau. Ví dụ: từ *Missa* (Thánh lễ) trong tiếng Việt là hình thức nguyên dạng của *Missa* trong tiếng La Tinh và tiếng Bồ Đào Nha (ghi là *Missa*) chứ không phải của tiếng Tây Ban Nha (ghi là *Misa*); từ *Gloria* (Vinh danh) trong tiếng Việt là hình thức nguyên dạng của *Gloria* trong tiếng La Tinh và Tây Ban Nha (ghi là *Gloria*), chứ không phải của tiếng Bồ Đào Nha (ghi là *Glória*) ...

Lớp từ ngữ Công giáo đang xét tồn tại lối viết giản lược rất phổ biến trong tiếng châu Âu là giữ lại căn tố của từ. Chúng ta biết, hầu hết các từ tiếng Ấn Âu đều xuất phát từ tiếng La Tinh nên có hình thức từ giống như/hoặc gần giống với từ gốc La Tinh, nhất là phần căn tố. Chính vì thế, xác định từ ngữ nguồn cho các từ viết giản lược này là việc không dễ dàng. Áp dụng cách xác định cho các trường hợp đầu tiên bên trên, chúng giữ lại cả ba ngôn ngữ làm ngôn ngữ nguồn. Ví dụ: *Evan* (Phúc Âm) do từ *Evangelii* (tiếng La Tinh), *Evangelho* (tiếng Bồ Đào Nha), *Evangelio* (tiếng Tây Ban Nha); Phép *Indu* (An xá) do từ *Indulgentiam* (tiếng La Tinh), *Indulgência* (tiếng Bồ Đào Nha), *Indulgencia* (tiếng Tây Ban Nha)...

Về tần suất xuất hiện của từ ngữ tiếp nhận theo phương thức nguyên dạng, chúng tôi nhận thấy chúng giảm dần giữa các lần xuất bản sách kinh nguyện. Cuốn in gần đây nhất (năm 2010) chỉ còn bốn từ nguyên dạng là: *Misa* (Thánh lễ), *Alleluia* hoặc *Halleluia* (Chúc tụng Đức Chúa), *Amen* (Quả thật như vậy), *Tantum Ergo* (Đây là sự cao trọng - ý nói Bí tích Thánh Thể). Các từ khác bị thay thế bằng cách thức phỏng âm, ví dụ: *Emmanuel* - *Emmanuel* (Thiên Chúa ở cùng chúng ta); *Rosa* - *Rôsa* (Mân Côi - Hoa hồng); *Rosario* - *Rôsarîô* (Tràng Mân Côi); ... hoặc bằng cách dịch nghĩa, ví dụ: *Anjo* - *Thiên thần*, *Sứ thần*; (Đức) *Carita* - *Đức Mến*; *Manipulo* - *Khăn lau tay*; *Stola* - *Dây các phép* ... Điều này cho thấy, các từ ngữ Công giáo tiếp nhận theo phương thức nguyên dạng không phù hợp trong các bản kinh nguyện dùng làm tài liệu cho đối tượng tiếp cận phổ thông là các giáo hữu.

3.2. Vay mượn bằng phương thức phiên âm từ ngữ trong ngôn ngữ nguồn

Phiên âm là phương thức mượn từ vựng dựa trên âm đọc. Đúng ra, những đơn vị từ vựng đang xét chỉ là cách mượn từ theo lối phỏng theo âm đọc mà thôi chứ ít khi phiên âm một cách chính xác như phiên âm trong từ điển. Tuy nhiên, thuật ngữ *phiên âm* đã được nhiều nhà nghiên cứu sử dụng dành cho các đối tượng tương tự và đã được đa số chấp nhận. Chính vì thế, chúng tôi chọn sử dụng thuật ngữ *phiên âm* thay cho thuật ngữ *phỏng âm* mà chúng tôi cũng đã nghĩ đến. Loại từ ngữ vay mượn theo lối *phiên âm* phân biệt với loại *nguyên dạng* nhờ vào bình dạng chữ viết. Loại giữ nguyên dạng viết bằng chữ viết của ngôn ngữ cho vay, còn loại phỏng âm viết bằng chữ viết của ngôn ngữ đi vay.

Chúng tôi thống kê được số từ ngữ phiên âm là 103/1.132 từ, chiếm gần 9,09% số lượng biệt ngữ Công giáo trong các cứ liệu khảo sát, với nhiều nguồn gốc: Hípri, Hy Lạp, La Tinh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pháp. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, trường hợp các từ ngữ gốc Hípri và Hy Lạp đã được chuyển tự sang hệ chữ viết La Tinh trước khi vào Việt Nam qua các ngôn ngữ trung gian, nên chúng tôi không xét đến hai ngôn ngữ này.

Đặc điểm của các từ ngữ phiên âm từ gốc Ấn Âu ghi nhận trong các bản sách kinh nguyện hữu quan thông thường vẫn được biểu lộ tính đa tiết, chẳng hạn như: *Rosario* (Tràng Mân Côi) - *Rôsarîô*, *Querubin* (Tên của đẳng thứ hai trong chín đẳng thiên thần, có nghĩa là “người gần gũi Thiên Chúa”) - *Kêrubin*, *Seraphim* (Tên của đẳng thứ nhất trong chín đẳng thiên thần, có nghĩa là “tình yêu nồng cháy dành cho Thiên Chúa”) - *Xêraphim* (*Sêraphim*) ... ngoại trừ một số từ/ngữ được Việt hoá mạnh biến thành đơn âm tiết, ví dụ *Deus* (Thiên Chúa) - (Chúa) *Đêu*, *Gracia* (Chúc lành) - *Thia*, *Gethsêmanê* (Địa danh, có nghĩa là “cối ép dầu ôliu”) - *Giêtximani* - (Vườn) *Giêt*... Trường hợp này khó nhận ra âm gốc.

Trong số các từ ngữ được tiếp nhận bằng phương thức phiên âm, chúng tôi nhận thấy có hai trường hợp được phiên âm qua âm Hán - Việt và đều phiên âm từ gốc Bồ Đào Nha, là: *Cruz* - *Câu rút* (Thánh giá), *Limbo* - *Lâm bô* (ngục tổ tông). Phiên âm qua âm Hán - Việt trong lớp từ ngữ Công giáo tại Việt Nam rất phổ biến với hệ thống tên riêng, chẳng hạn như *Paulo* - *Bảo Lộc* (thánh Phaolô), *Pedro*

- *Bá Đa Lộc* (thánh Phêrô), *Ioannes - Nhược Vọng* (thánh Gioan), *Iojeoph - Nhược Sắt* (thánh Giuse). Tuy nhiên hệ thống tên riêng không phải là đối tượng nghiên cứu của bài viết này.

Có những từ ngữ tồn tại nhiều hơn một hình thức phiên âm, ví dụ *Garatia/Gracia* (Chúc lành) - *Garathia, Thia*; *Rosario* (Mân Côi) - *Rôsa, Rosa, Rôsariô*; *Sacramento* (Bí tích) - *Sacramentô, Sacaramentô*; *Igreja* (Hội Thánh) - *Yghê, Igherexa, Ighêrêxa, Ighêrixa*...

3.3. *Vay mượn bằng phương thức sao phỏng và dịch nghĩa từ ngữ trong ngôn ngữ nguồn*

Sao phỏng là phương thức dịch từ ngữ nước ngoài sang tiếng Việt bằng chất liệu ngôn ngữ của tiếng Việt. Từ ngữ *sao phỏng* diễn tả ý nghĩa là *chép lại gần giống*, khác với *giữ nguyên dạng* là bê nguyên xi từ vựng và hình thức chính tả của ngôn ngữ nguồn; khác với *phiên âm* là bê từ vựng của ngôn ngữ nguồn vào ngôn ngữ đi mượn nhưng viết lại bằng chính tả của ngôn ngữ đi vay. Công tác *sao phỏng* có thể nói là phức tạp hơn vì người sử dụng vừa phải hiểu rõ nội dung từ ngữ nước ngoài, vừa phải có khả năng tiếng Việt tốt để lựa chọn từ ngữ phù hợp khi tiếp nhận nội dung đi vay.

Phương thức sao phỏng trong ngôn ngữ có hai loại: Sao phỏng cấu tạo từ và sao phỏng ý nghĩa. Sao phỏng cấu tạo từ là quá trình dùng chất liệu của tiếng Việt để cấu tạo một đơn vị từ vựng dựa theo mô hình kết cấu của đơn vị tương ứng trong tiếng nước ngoài. Sao phỏng ý nghĩa là quá trình dịch khi người dịch không tìm được từ ngữ trong tiếng mẹ đẻ có ý nghĩa tương đương với từ ngữ nước ngoài cần dịch, do đó người dịch phải tạo ra một từ ngữ khác trong ngôn ngữ của mình để diễn đạt ý nghĩa mới mẻ đó [19].

Khảo sát các từ ngữ Công giáo trong các bản kinh nguyện của các Giáo phận Dòng tại Việt Nam, chúng tôi thống kê được 689/1.132 từ ngữ được tiếp nhận theo phương thức sao phỏng, chiếm hơn 60,86%. Tuy nhiên số từ ngữ này thuộc 9 bản sách kinh nguyện của các giáo phận và các thời kỳ khác nhau nên thiếu sự thống nhất về cách ghi chính tả và cách chọn từ ngữ chất liệu trong tiếng Việt. Tình hình cụ thể:

Có 345 trường hợp dịch tương đương 1:1, một từ ngữ tiếng Việt diễn tả khái niệm của một từ ngữ Công giáo trong ngôn ngữ nguồn. Ví dụ: *Abiectio religionis: Bỏ đạo* (*Abiectio: Từ bỏ; religionis: tôn giáo, đạo*); *Absolutio: Giải tội*; *Abstinencia: Kiêng thịt* (*Abstinencia: kiêng cữ*)....

Trường hợp sao phỏng dịch tương đương 1:2, có 79 trường hợp tương ứng với 158 đơn vị từ vựng Công giáo tiếng Việt, chiếm xấp xỉ 23% lượng từ theo phương thức sao phỏng. Ví dụ, *Aegrotus: Kê liệt, Kê liệt lảo* (*Aegrotus có nghĩa là bệnh nhân*); *Aqua benedicta: Nước phép, Nước thánh* (*Aqua: Nước; Benedicta: chúc lành, làm phép*)...

Trường hợp sao phỏng dịch tương đương 1:3 có 28 trường hợp, tương ứng với 84 đơn vị từ ngữ Công giáo tiếng Việt, chiếm hơn 12,1% lượng từ theo phương thức sao phỏng, ví dụ: *Confessor: Cha giải tội, Hiễn tu, Thánh Hiễn tu* (*Confessor: người tha tội*); *Mysteria doloris: Mùa Thương, Năm sự thương, Sự thương* (*Mysteria: Mùa nhiệm; doloris: Đau buồn*)...

Trường hợp sao phỏng dịch tương đương 1:4, tức mỗi từ gốc dịch ra 4 biến thể Việt, có 10 trường hợp, tương ứng với 40 đơn vị từ ngữ Công giáo tiếng Việt, chiếm hơn 5,8% lượng từ theo phương thức sao phỏng, ví dụ: *Laiicus - Bôn đạo, Giáo dân, Giáo hữu, Giáo nhân* (*Laiicus: vốn có nghĩa là người dân nói chung, sau này chỉ những người lãnh nhận Bí tích Rửa tội gia nhập Giáo Hội*); *Ecclesia - Ruộng thiêng, Giáo Hội, Hội Thánh, Nhà thờ* (*Ecclesia: thường dịch là Giáo Hội (viết hoa) để hiểu là Giáo hội Công giáo. Cũng có ý nghĩa như vậy khi dịch là Hội Thánh (viết hoa). Trường hợp ecclesia (viết thường) thì dịch là (ngôi) nhà thờ (viết thường)*). Đây là điểm dễ nhầm lẫn đối với những người dịch không chuyên. *Ecclesia* cũng được dịch là *Ruộng thiêng*, vì *Giáo Hội* được Kinh Thánh ví như hình ảnh một thửa ruộng, một cánh đồng của Thiên Chúa mà người tốt là lúa, còn người xấu là cỏ lùng...

Trường hợp sao phỏng dịch tương đương 1:5, tức mỗi từ gốc dịch ra 5 biến thể Việt, có 5 trường hợp, tương ứng với 25 đơn vị từ ngữ Công giáo tiếng Việt, chiếm hơn 3,6% lượng từ theo phương thức

sao phỏng, ví dụ *Spes: cây, cây trồng, đức cây, trồng cây, nhân đức cây; Caritas: bác ái, đức bác ái, đức Carita, đức mến, nhân đức mến; communio - thông công, chịu lễ, hiệp thông, rước lễ, hiệp lễ...*

Có 5 trường hợp sao phỏng dịch tương đương 1:6, tức mỗi từ gốc dịch ra 6 biến thể, tương ứng với 30 đơn vị từ ngữ Công giáo tiếng Việt, xấp xỉ 4,4% lượng từ theo phương thức sao phỏng, ví dụ: *Angelus: Sứ thần, Sứ thần Thiên Chúa, Thánh thiên thần, Đức thánh thiên thần, Thiên sứ, Thiên thần; Deus: Chúa giời đất / trời đất, Chúa Cả, Chúa Trời/Chúa Giời. Đức Chúa Giời/Đức Chúa Trời, Thiên Chúa, Thiên Địa Chân Chúa...*

Cuối cùng, có 1 trường hợp sao phỏng dịch tương đương 1:7, tức đơn vị gốc này có 7 biến thể đích, tương ứng với 7 từ ngữ Công giáo tiếng Việt, chiếm hơn 1% lượng từ theo phương thức sao phỏng, ví dụ: *Intercessio: thông chuyển, bầu chủ, bầu chữa, chủ bầu, cầu bầu, chúa bầu, chuyển cầu.* Thuật ngữ *Intercessio* để chỉ hành động của Đức Mẹ và các thánh là trung gian chuyển lời cầu nguyện của con người tới Thiên Chúa.

Từ các số liệu thống kê trên, chúng ta có bảng tỉ lệ các tương đương sao phỏng dịch giữa từ ngữ Công giáo La Tinh là ngôn ngữ chính thức của Giáo hội Công giáo với từ ngữ Công giáo tại Việt Nam giới hạn trong 9 bản sách kinh nguyện của các Giáo phận Đông như sau:

Bảng 1. Tỉ lệ các tương đương dịch từ ngữ Công giáo La Tinh - Việt

Tỉ lệ tương đương	Số từ ngữ Công giáo La Tinh	Số từ ngữ Công giáo Việt	Tỉ lệ
La Tinh 1:1 Việt	345	345	50%
La Tinh 1:2 Việt	79	158	23%
La Tinh 1:3 Việt	28	84	12%
La Tinh 1:4 Việt	10	40	5,9%
La Tinh 1:5 Việt	5	25	3,6%
La Tinh 1:6 Việt	5	30	4,4%
La Tinh 1:7 Việt	1	7	1,1%
Tổng số	473	689	100%

Từ số liệu và tỉ lệ phần trăm của bảng thống kê, chúng ta nhận thấy tỉ lệ tương đương đối dịch theo phương thức sao phỏng dịch của lớp từ ngữ Công giáo trong các tư liệu khảo sát càng cao thì càng giảm. Điều này cho thấy xu hướng và đòi hỏi tính chuyên môn hoá trong lớp từ này đã được chú ý. Mặc dầu vậy thì các tỉ lệ chuyển dịch tương đương 1:2, 1:3 còn cao, thậm chí vẫn còn những trường hợp chuyển dịch tương đương lên tới 1:6, 1:7. Lí do các tư liệu khảo sát không phải là các tài liệu học thuật nên các đơn vị từ vựng chưa phải là các thuật ngữ đòi hỏi độ chính xác cao. Hơn nữa, hiện chưa có nhiều công trình nghiên cứu thuật ngữ Công giáo hay đề cập đến việc chuẩn hoá từ ngữ Công giáo tại Việt Nam cách đầy đủ.

4. Kết luận

Qua các khảo sát, nghiên cứu, chúng tôi thấy con đường vay mượn là con đường quan trọng hình thành nên lớp từ ngữ Công giáo tại Việt Nam. Việc vay mượn diễn ra dưới hai phương diện: vay mượn cả hình thức và nội dung hoặc chỉ vay mượn nội dung. Việc vay mượn thứ nhất cho kết quả là những từ ngữ được tiếp nhận bằng phương thức nguyên dạng và phương thức phiên âm. Việc vay mượn thứ hai cho kết quả là các từ ngữ được tiếp nhận qua phương thức sao phỏng và dịch nghĩa.

Qua các nghiên cứu kĩ lưỡng dựa trên những số liệu cụ thể, với phạm vi ngữ liệu mang tính đặc trưng của lớp từ ngữ Công giáo, các kết quả nghiên cứu góp phần nhận diện rõ hơn đặc trưng ngữ học

của lớp từ vựng Công giáo tại Việt Nam. Đồng thời, bài viết cũng có thể cung cấp các dữ liệu góp phần vẽ lên bức tranh về từ ngữ Công giáo nói riêng, ngôn ngữ tôn giáo nói chung, một lĩnh vực dường như mới được nghiên cứu ở những bước đi khởi đầu tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Thị Lan Anh. *Thuật ngữ hoá từ ngữ thông thường: một trong các con đường tạo thành thuật ngữ tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 5 (235). 2015.
2. Ban chỉ đạo Tổng điều tra Dân số và Nhà ở Trung ương. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009: kết quả toàn bộ*. NXB Thống kê. 2010.
3. Các sách kinh nguyên của các giáo phận tại Việt Nam qua nhiều thời kì
4. Đỗ Quang Chính. *Lịch sử chữ Quốc ngữ 1620 - 1659*. NXB Tôn giáo. 2008.
5. Trần Trí Dõi. *Giáo trình lịch sử tiếng Việt*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2007.
6. Nguyễn Thiện Giáp. *Từ điển khái niệm ngôn ngữ học*. NXB Đại học Quốc gia. 2016.
7. Nguyễn Hồng. *Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam*. NXB Từ điển Bách khoa. 1959.
8. Nguyễn Văn Khang. *Từ ngoại lai trong tiếng Việt*. NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh. 2013.
9. *Khâm Định Sứ Việt Thông Giám Cương Mục*. Bản dịch chữ Quốc ngữ năm 1960. Viện Sử học xuất bản.
10. Vũ Văn Khương - Nguyễn Công Đức. *Ngôn ngữ và tôn giáo - các định hướng nghiên cứu*. Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 5. 2015.
11. Vũ Văn Khương. *Đặc điểm vay mượn của lớp từ ngữ Công giáo tại Việt Nam (qua khảo sát các bản kinh nguyên của các Giáo phận Dòng tại Việt Nam)*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 9. 2017.
12. Vũ Văn Khương. *Từ ngữ Công giáo trong một số tục ngữ, ca dao tiếng Việt*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 7. 2018.
13. Vũ Văn Khương. *Sự chuyển hoá của lớp từ ngữ Công giáo vào tiếng Việt toàn dân*. Tạp chí Ngôn ngữ, số 10. 2018.
14. Vũ Văn Khương. *Từ ngữ Công giáo trong các bản kinh nguyên của các Giáo phận Dòng tại Việt Nam*. Luận án tiến sĩ. Học viện Khoa học xã hội. 2020.
15. Vũ Văn Khương. *Khảo cứu từ ngữ Công giáo gốc Ấn Âu có cấu tạo Hán Việt*. Nghiên cứu Hán Nôm năm 2021. NXB Thế Giới. tr. 474 - 484. 2021.
16. Vũ Văn Khương. *Đối chiếu Kinh cầu Đức Bà qua hai bản dịch ghi bằng chữ Hán và chữ Nôm trong sách Bản kinh tụng đọc toàn niên*. Nghiên cứu Hán Nôm năm 2022. NXB Thế Giới. 2022.
17. Lưu Văn Lăng. *Về vấn đề dùng thuật ngữ khoa học nước ngoài*. NXB Khoa học xã hội. 1968.
18. Bùi Thị Thanh Lương. *Từ ngữ mới xuất hiện trong tiếng Việt giai đoạn 1986 - 2005*. Luận án tiến sĩ ngữ văn. Viện Ngôn ngữ học. Hà Nội. 2007.
19. Hà Quang Năng. *Đặc điểm của thuật ngữ tiếng Việt*. Tạp chí Từ điển học & Bách khoa thư, số 2, tháng 11/2009 (<https://nguvan.hnue.edu.vn/dac-diem-cua-thuat-ngu-tieng-viet-phan-1-796>). 2009.
20. Stêphanô Huỳnh Trụ. *Tim hiểm Từ vựng Công giáo*. Sách lưu hành nội bộ. 2012.

Tiếng nước ngoài

21. Crystal, David. *Language and religion*. In: Sheppard. Lancelot (Ed.): Twentieth century Catholicism. New York: Howthorn Books. 1966.
22. Emeneau, M.B. *Studies in vietnamese (annamese) grammar*. University of California Press. Berkeley and Los Angeles. 1951.
23. Jakobson. R. *Linguistics and poetics*. in: Th. Sebook. ed. Style in Langue. Cambridge. MIT. 1960.
24. Jeroen Darquennes, Wim Vandebussche. *Language and religion as a sociolinguistic field of study: some introductory notes*. Socionlinguistica 25/2011. 2011.
25. William Samarin. *Langua in religious practice*. Rowley, MA: Newbury House. 1976.
26. Liebaert, J. *Les enseignement moraux des Peres Apostolique*. Gembloux - Paris Duculot - Lethielleux. 1970.
27. Rhodes A. de. *Dictionarium Annamiticum Lusitanum Latinum*. Sacrae Congregationis De Propaganda Fide. Roma (Bản dịch của Thanh Lăng, Hoàng Xuân Việt, Đỗ Quang Chính (1991). *Từ điển Việt Bồ La*. Nxb. Khoa học xã hội. H.). 1651.
28. Taberd, J.L. và J. Theurel. *Dictionarium Anamatico Latinum*. Serampore. India. 1838.